

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ANILINE

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Aniline
- Công thức phân tử:** C₆H₅NH₂
- CAS:** 62-53-3
- Mã EC:** 200-539-3
- Tên khác:** Phenylamine, Aminobenzene
- Sử dụng:** Nguyên liệu tổng hợp hữu cơ, thuốc nhuộm, dược phẩm, cao su, nhựa
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**

CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI

Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0314051291

SĐT khẩn cấp: 0909.907.861

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Acute Tox. 3 – H301 (Độc nếu nuốt phải)
- Acute Tox. 3 – H311 (Độc khi tiếp xúc da)
- Acute Tox. 3 – H331 (Độc nếu hít phải)
- Skin Corr. 1B – H314 (Gây bỏng da nghiêm trọng)
- Eye Dam. 1 – H318 (Gây tổn thương mắt nghiêm trọng)
- Aquatic Acute 1 – H400 (Rất độc với sinh vật thủy sinh)
- Carc. 2 – H351 (Nghĩ ngờ gây ung thư)

Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Biểu tượng nguy hại: ☠️ (GHS06, GHS05, GHS08, GHS09)

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H301/H311/H331: Độc nếu nuốt, tiếp xúc hoặc hít phải.
- H314/H318: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.
- H351: Nghĩ ngờ gây ung thư.
- H400: Rất độc với sinh vật thủy sinh.

Câu phòng ngừa:

- P260: Không hít khí, hơi, bụi, sương.
- P264: Rửa tay sau khi thao tác.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ.
- P301+P310: Nuốt phải, gọi ngay trung tâm chống độc.
- P305+P351+P338: Dính mắt, rửa kỹ ít nhất 15 phút.
- P501: Xử lý chất thải theo quy định.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Aniline (C ₆ H ₅ NH ₂)	62-53-3	≥ 96%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp, gọi cấp cứu.

- **Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng nhiều nước và xà phòng ít nhất 15 phút, cởi bỏ quần áo nhiễm.
- **Tiếp xúc mắt:** Rửa kỹ bằng nước ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.
- **Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi trung tâm chống độc.

Triệu chứng: Đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, khó thở, bỏng da.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột, bột khô, nước phun sương.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Lỏng dễ cháy, nổ khi tiếp xúc nhiệt hoặc lửa.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, quần áo chống cháy.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ.
- **Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chảy ra cống rãnh, nước hoặc đất.
- **Thu gom:** Hút hoặc thấm bằng cát, đất hoặc vật liệu khô, đưa vào thùng chứa thích hợp.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, công nghiệp, sản xuất thuốc nhuộm.
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, bình kín, tránh ánh sáng và lửa.
- **Không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit, halogen, kim loại nóng.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 2 ppm (ACGIH)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc hữu cơ
 - Quần áo: Bảo hộ toàn thân

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, màu vàng nhạt đến không màu
Mùi	Hơi amoniac, đặc trưng
Điểm sôi	184°C
Điểm chớp cháy	30°C
Tỷ trọng	1.02 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	Hoàn toàn
pH (1% dung dịch)	~6.5 – 7

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện phòng.
- **Điều kiện tránh:** Nhiệt, lửa, ánh sáng.
- **Chất không tương thích:** Oxi hóa mạnh, halogen, axit mạnh, kim loại nóng.
- **Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂, NO_x, khói độc.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 250 mg/kg
 - **LC₅₀ (hít, chuột):** 250 ppm/4h
 - **Tác hại:** Độc, có thể gây bỏng da, tổn thương mắt, ảnh hưởng gan, thận, máu, có khả năng gây ung thư.
-

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Rất độc với sinh vật thủy sinh.
 - **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
 - **Tích lũy sinh học:** Có khả năng tích lũy sinh học.
-

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom chất thải vào thùng kín, dán nhãn rõ.
 - Xử lý theo quy định về hóa chất nguy hại, không thải ra môi trường.
-

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 2312
 - **Loại nguy hiểm:** 3 (Lỏng dễ cháy)
 - **Nhãn nguy hiểm:** Flammable liquid (GHS02), Toxic (GHS06), Corrosive (GHS05), Environmental hazard (GHS09)
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012**, **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày phát hành SDS:** 26/11/2025
- **Tham khảo:** PubChem CID 6344, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế